

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2018/DS-PT

Ngày : 17/9/2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hoàng Thị Thu Lan

Các Thẩm phán : Bà Trần Thị Liên Anh

Ông Đinh Như Lâm

- Thư ký phiên tòa :

Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án
nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :

Bà Bùi Thị Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Trong các ngày 14 và 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng* "

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CM, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 279/2018/QĐ-PT ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần TT

Trụ sở chính: Lầu 8, 266-268 NKKN, phường 8, quận X, thành phố Hồ Chí Minh:

Chi nhánh ĐĐ: 360 TS , phường NTS, quận ĐĐ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức A - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn B – Nhân viên Ngân hàng

Bị đơn: Bà Hà Thị Phương C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Đội 8, thôn TL , xã TP , huyện CM, TP Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn VA - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư GB- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP TT – Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần TT do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/9/2009 Ngân hàng thương mại cổ phần TT (gọi tắt là Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Hà Thị Phương C, thể hiện tại: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/8/2009 và bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP TT. Căn cứ thu nhập của bà C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 37.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Loại thẻ tín dụng cấp cho bà C là Thẻ tín dụng Visa, lãi suất thẻ tín dụng tại thời điểm năm 2009 là 1,3%/tháng, có thay đổi theo từng thời kỳ.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền đã rút là 118.431.364đồng, bà C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 109.524.000đồng. Bà C thanh toán cho Ngân hàng lần cuối cùng ngày 15/11/2013, từ đó bà C không thanh toán tiền cho Ngân hàng nữa. Do bà C vi phạm điều khoản nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 15/3/2014, Ngân hàng thương mại cổ phần TT đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 2, Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần TT yêu cầu bà C phải thanh toán trả số tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/9/2009, tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 111.375.012đồng (trong đó: nợ gốc là 42.009.252đồng và lãi quá hạn 69.365.760đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt số tiền nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn là bà Hà Thị Phương C trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần TT đã cấp cho bà C 01 Thẻ tín dụng để sử dụng với hạn mức sử dụng là 37.000.000đồng. Từ năm 2009 đến năm 2014, bà C đã nhiều lần giao dịch trên thẻ, khi cần tiền bà C rút tiền ra để sử dụng, khi có tiền bà C lại nộp vào tài khoản thẻ, tổng số tiền bà C đã thanh toán lại cho Ngân hàng tổng số tiền là 109.524.000đồng. Số tiền bà C còn nợ lại Ngân hàng là 37.000.000đồng, đây là số tiền mà hạn mức sử dụng do Ngân hàng thương mại cổ phần TT cấp cho bà . Khi Ngân hàng thương mại cổ phần TT cấp thẻ tín

dụng cho bà không có thỏa thuận về lãi suất, không thỏa thuận về lãi suất quá hạn, không thỏa thuận về phí phạt chậm trả nên bà C chỉ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần TT số tiền 37.000.000đồng mà bà C đã rút ra để sử dụng.

Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/8/2009 mà Ngân hàng thương mại cổ phần TT giao nộp cho Tòa án, bà C khẳng định Ngân hàng không giao cho bà văn bản trên và bà C không được biết, không ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/8/2009. Bà C yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần TT xuất trình bản gốc Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/8/2009 để trưng cầu giám định chữ ký xem có đúng chữ ký của bà C hay không.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CM, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần TT.

2. Buộc bà Hà Thị Phương C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần TT số tiền còn nợ theo Thẻ tín dụng số thẻ 472074-8613, tính đến ngày 29/5/2018 là: 12.528.207đồng (Trong đó gốc: 8.907.364đồng; lãi 3.620.843đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/6/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần TT kháng cáo yêu cầu yêu cầu bà Hà Thị Phương C phải trả Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/5/2018 là: 111.375.012đồng (trong đó gốc: 42.009.252đồng; lãi quá hạn 69.365.760đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo. Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP TT đã cấp cho bà C 01 Thẻ tín dụng Visa hạn mức 37.000.000đồng để sử dụng, bà C đã sử dụng Thẻ tín dụng trên để thực hiện các giao dịch trong thời gian từ 15/10/2009 đến 15/12/2013 với tổng số tiền là 118.431.364đồng và đã thanh toán cho Sbank tổng số tiền 109.524.000đồng. Hàng kỳ bà C phải thanh toán đủ lãi, phí, gốc thì mới được tiếp tục rút tiền.

Bà C không thừa nhận đã ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/8/2009 với Ngân hàng thương mại cổ phần TT. Phía Ngân hàng

chỉ cung cấp được bản sao, không cung cấp được bản gốc Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nên không thể tiến hành giám định được chữ viết, chữ ký Hà Thị Phương C trong văn bản trên có phải chữ viết, chữ ký của bà Hà Thị Phương C hay không. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà C phải trả các khoản phí, lãi suất quá hạn, phạt chậm trả tiền. Việc Ngân hàng TMCP TT đã trừ các khoản phí, lãi suất vào tài khoản của bà C trong quá trình bà C sử dụng Thẻ tín dụng là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền gốc bà C còn nợ là số tiền bà C rút ra sử dụng trừ với số tiền bà C đã nộp vào Ngân hàng và tính lãi chậm trả tiền đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định (9%/năm) tương ứng thời gian chậm trả là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CM, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP TT xuất trình về việc Ngân hàng TMCP TT đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Hà Thị Phương C gồm có:

- Bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/8/2009 đứng tên bà Hà Thị Phương C, có chứng thực của UBND phường 8 quận X thành phố Hồ Chí Minh.

- Bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP TT.

- Bản phô tô Chứng minh nhân dân của bà Hà Thị Phương C, sổ hộ khẩu gia đình bà Hà Thị Phương C, có xác nhận đã đối chiếu bản gốc của cán bộ Ngân hàng.

Theo Bản tóm tắt sao kê ngày 29/5/2018 của Ngân hàng TMCP TT thể hiện:

- Bà C đã sử dụng Thẻ tín dụng Visa để thực hiện các giao dịch trong thời gian từ 15/10/2009 đến 15/12/2013 với tổng số tiền rút ra là 118.431.364đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 109.524.000đồng.

- Tại thời điểm ngày 15/12/2013 bà C nợ Ngân hàng tổng số tiền là 37.945.304đồng (gồm dư nợ đầu kỳ là 32.347.905đồng, số tiền bà C giao dịch là 4.400.000đồng, phí trễ hạn là 97.044đồng, tiền lãi 763.355đồng, phí vượt hạn mức là 50.000đồng và phí là 287.000đồng).

- Từ sau ngày 15/12/2013 bà C không sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện giao dịch nữa. Ngân hàng TMCP TT đã chốt dư nợ của bà C tính đến 15/3/2014 là 42.009.252đồng, ngày 15/4/2014 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, bà C phải chịu lãi suất quá hạn tính đến 29/5/2018, tổng số tiền lãi quá hạn là 69.365.760đồng theo phương thức tiền lãi cộng tiền gốc để tính lãi của kỳ sau.

Bà Hà Thị Phương C khẳng định không được biết và không ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/8/2009, chữ ký Hà Thị Phương C trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/8/2009 không phải chữ ký của bà. Tuy nhiên, bà C thừa nhận Ngân hàng TMCP TT đã cấp cho bà 01 Thẻ tín dụng Visa với hạn mức sử dụng là 37.000.000đồng và bà đã sử dụng Thẻ tín dụng trên để thực hiện các giao dịch trong thời gian từ 15/10/2009 đến 15/12/2013 để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 118.431.364đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 109.524.000đồng. Trong suốt thời gian sử dụng thẻ, bà C không có văn bản đề nghị thay đổi, rút lại, hủy bỏ Thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần TT. Do đó có đủ căn cứ xác định bà Hà Thị Phương C đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP TT.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tiền nợ gốc: Bà C khai đã sử dụng Thẻ tín dụng Visa để thực hiện các giao dịch trong thời gian từ 15/10/2009 đến 15/12/2013. Mỗi lần thực hiện giao dịch, Sbank đều thông báo cho bà C về số tiền bà C rút sử dụng, các khoản phí, lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP TT bằng sao kê của máy ATM và tin nhắn vào điện thoại của bà C. Hàng tháng Ngân hàng đều gửi Thông báo giao dịch thẻ cho bà C biết về số tiền bà C đã sử dụng để bà C nộp tiền vào thẻ tín dụng. Bà C không có ý kiến phản đối nào về việc Ngân hàng đã trừ các khoản phí, lãi suất trong quá trình bà C sử dụng Thẻ tín dụng, ngày 15/3/2014 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng đối với bà C, bà C cũng không có ý kiến gì, cho đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện đối với các khoản phí và lãi suất mà Ngân hàng đã trừ vào tài khoản của bà C (Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015). Do đó cần xác định số tiền bà C nợ Ngân hàng khi Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng đối với bà C là dư nợ

cuối kỳ của bà C tại thời điểm bà C thực hiện giao dịch cuối cùng vào ngày 15/12/2013 là 37.945.304đồng, đây là số tiền nợ gốc của bà C. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền nợ gốc của bà C theo phương thức lấy số tiền bà C đã rút ra sử dụng đối trừ với số tiền bà C nộp vào tài khoản thẻ tín dụng để xác định số tiền nợ gốc bà C là 8.907.364đồng là không có căn cứ, do đó sửa án sơ thẩm về nội dung này.

Về tiền lãi: Ngân hàng TMCP TT tính lãi của số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng đối với Thẻ tín dụng Visa, tiền lãi cộng tiền gốc để tính lãi của kỳ sau là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Bà C sử dụng Thẻ tín dụng Visa để thực hiện giao dịch cuối cùng vào ngày 15/12/2013, số tiền nợ gốc của bà C là 37.945.304đồng, cho đến nay bà C chưa thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền trên là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền nên bà C phải trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất cơ bản (9%/năm) từ ngày 15/12/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005). Cụ thể số tiền lãi bà C phải trả là:

$(37.945.304đ \times 9\%/năm) : 12 \text{ tháng} \times 53 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 15.216.066đ$ ồng

Tổng cộng tiền gốc và lãi bà C phải trả cho Ngân hàng là:

$37.945.304đ + 15.216.066đ = 53.161.370đ$ ồng.

Từ nhận định trên, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CM, thành phố Hà Nội, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

- Bà Hà Thị Phương C phải chịu 2.658.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

- Ngân hàng TMCP TT phải chịu 2.911.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

- Do sửa án sơ thẩm nên Ngân hàng TMCP TT không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 290, Khoản 2 Điều 305, Điều 388, 389, 390, 391, 401, 407, 426 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 429, khoản 2 điều 468, điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010; Điều 11 của Quy chế phát hành, sử dụng, thanh toán thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 371/1999/QĐ-NHNN1 ngày 19/10/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần TT.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CM, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần TT.

Buộc bà Hà Thị Phương C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần TT số tiền còn nợ theo Thẻ tín dụng số thẻ 472074-8613 số tiền là 53.161.370đồng (*Năm mươi ba triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 37.945.304đồng và tiền lãi chậm trả là 15.216.066đồng.

2. Về án phí:

- Bà Hà Thị Phương C phải nộp 2.658.000đồng (*Hai triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng thương mại cổ phần TT phải nộp 2.911.000đồng (*Hai triệu, chín trăm, mười một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0003107 ngày 14/11/2017 và AA/2015/0003448 ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, nay Ngân hàng thương mại cổ phần TT còn phải nộp tiếp 611.000đồng (*Sáu trăm, mười một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Hoàng Thị Thu Lan

